



Số: 019962 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 15978.24



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM GELATO MATCHA- VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-22
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 353,5 g
Ngày nhận mẫu : 05/07/2024
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Băng
Thời gian thử nghiệm : 05/07/2024-12/07/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Salmonella spp.	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020 (a) (d)	Không phát hiện	/25 g
2	Enterobacteriaceae	ISO 21528-2:2017 (a) (d)	< 10	CFU/g

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên chính thức ngày 23/8/2024.
 - (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
 - (d) Phép thử được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
 - < 10 CFU/g: được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27-08-2024
TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **019963** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 15979.24



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : **KEM GELATO MATCHA- VINAMILK**
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-22
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 353,5 g
Ngày nhận mẫu : 05/07/2024
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian thử nghiệm : 05/07/2024-12/07/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/kg
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/kg
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/kg
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/kg
5	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,1	µg/kg
6	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (LC/MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 0,05	mg/kg

Mã số mẫu: 15979.24

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên chính thức ngày 23/8/2024.
 - (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
 - (d) Phép thử được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **27-08-2024**

TU. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: 019964 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 15980.24



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM GELATO MATCHA- VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-22
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 353,5 g
Ngày nhận mẫu : 05/07/2024
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Băng
Thời gian thử nghiệm : 05/07/2024-12/07/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Bifenthrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
2	Deltamethrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
3	Paraquat	HD.PP.09/TT.SK (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
4	Aldrin và Dieldrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/kg
5	Chlordane	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/kg
6	Chlorpyrifos-ethyl (Chlorpyrifos)	HD.PP.134/TT.SK (GC-MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
7	Cypermethrin (bao gồm alpha- và zeta-Cypermethrin)	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
8	DDT	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/kg
9	Dicofol	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
10	Endosulfan (Endosulfan I, Endosulfan II, Endosulfan sulfate)	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/kg
11	Fenpropathrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg

Mã số mẫu: 15980.24

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
12	Heptachlor	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/kg
13	Lindan	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
14	Permethrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
15	Buprofezin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
16	Clothianidin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,005	mg/kg
17	Etoxazole	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
18	Flubendiamide	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
19	Flufenoxuron	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
20	Hexythiazox	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,006	mg/kg
21	Indoxacarb	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,03	mg/kg
22	Methamidophos	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
23	Methidathion	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/kg
24	Propargite	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
25	Thiamethoxam	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
26	Tolfenpyrad	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên chính thức ngày 23/8/2024.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- (d) Phép thử được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27-08-2024

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **019965** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 15981.24



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM GELATO MATCHA- VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-22
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 353,5 g
Ngày nhận mẫu : 05/07/2024
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian thử nghiệm : 05/07/2024-12/07/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Diminazene	HD.PP.46/TT.SK (LC/MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 25	µg/kg
2	Chlortetracycline	HD.PP.21/TT.SK (a) (d)	Không phát hiện LOD = 15	µg/kg
3	Oxytetracycline	HD.PP.21/TT.SK (a) (d)	Không phát hiện LOD = 15	µg/kg
4	Tetracycline	HD.PP.21/TT.SK (a) (d)	Không phát hiện LOD = 15	µg/kg
5	Sulfamethazine (Sulfadimidine)	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 7	µg/kg
6	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 1	µg/kg
7	Benzylpenicillin	HD.PP.46/TT.SK (LC-MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 1	µg/kg
8	Ceftiofur	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 7	µg/kg
9	Lincomycin	HD.PP.46/TT.SK (LC-MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
10	Procaine benzylpenicilin	HD.PP.46/TT.SK (LC-MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 1	µg/kg
11	Spiramycin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 7	µg/kg



Mã số mẫu: 15981.24

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
12	Tylosin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 7	µg/kg
13	Pirlimycin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 7	µg/kg
14	Colistin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 10	µg/kg
15	Isometamidium	HD.PP.46/TT.SK (LC/MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 10	µg/kg
16	Clenbuterol	HD.PP.68/TT.SK (LC/MS/MS) (Ref. Study of β -agonist residues in animal - derived food) (d)	Không phát hiện LOD = 0,014	µg/kg
17	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30	µg/kg
18	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30	µg/kg
19	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30	µg/kg
20	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30	µg/kg
21	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30	µg/kg
22	Monensin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,5	µg/kg
23	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
24	Albendazole	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
25	Dexamethasone	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,1	µg/kg
26	Doramectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
27	Eprinomectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
28	Febantel	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
29	Fenbendazole	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
30	Imidocarb	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
31	Ivermectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
32	Oxfendazole	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
33	Trichlorfon (Metrifonat)	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
34	Deltamethrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 1,5	µg/kg
35	Cyfluthrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 1,5	µg/kg
36	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 1,5	µg/kg

Mã số mẫu: 15981.24

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
37	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 1,5	µg/kg

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên chính thức ngày 23/8/2024.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- (d) Phép thử được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **27-08-2024**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh

